

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
ho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



Trưởng Phòng
Kinh Doanh- Tiếp Thị



Nguyễn Thành Nghiệp

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 – 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 9 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 10 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 11 – 12 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp | 13 – 35 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155188 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 1 vào ngày 23 tháng 10 năm 2012.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 07103 835.543
- Fax : 07103.832.060

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xay xát và sản xuất bột thô
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa
- In ấn
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa...

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|--------------|---------------------------|---------------------------|
| Ông Lê Đình Bửu Trí | Chủ tịch | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 | |
| Ông Lê Văn Lung | Phó chủ tịch | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 | |
| Ông Trần Đức Toàn | Thành viên | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 | |
| Ông Lê Văn Lung | Chủ tịch | | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 |
| Ông Trần Đức Toàn | Phó chủ tịch | | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | Thành viên | | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Việt Hùng | Thành viên | | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------------|---------------------------|
| Ông Nguyễn Thành Nghiệp | Trưởng ban | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 | |
| Bà Nguyễn Kiều Nga | Thành viên | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 | |
| Bà Nguyễn Thị Hằng | Thành viên | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 | |
| Ông Nguyễn Thành Nghiệp | Thành viên | | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 |
| Ông Lâm Ngọc Quang | Trưởng ban | | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy | Thành viên | - | Ngày 10 tháng 06 năm 2015 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|----------------------|-------------------|---------------------------|
| Ông Lê Văn Lung | Tổng Giám đốc | Ngày 15 tháng 07 năm 2015 |
| Ông Trần Đức Toàn | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 15 tháng 07 năm 2015 |
| Ông Trần Phước Thuán | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 15 tháng 07 năm 2015 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|-----------------|---------------|---------------------------|
| Ông Lê Văn Lung | Tổng Giám đốc | Ngày 15 tháng 07 năm 2015 |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính tổng hợp

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



LÊ VĂN LUNG

Phó Chủ tịch

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Số: 077/2016/BCKT- CT.0127

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ, được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công Ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này tại ngày 02 tháng 03 năm 2015.



A handwritten signature in black ink, appearing to read "KAC".

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

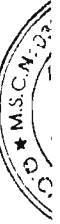
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHANH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2016

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | TOÀN CÔNG TY | | VĂN PHÒNG CÔNG TY | | XI NGHIỆP BAO BÌ | |
|--|------------|-------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| | | | | | | | Đơn vị tính: VND | |
| | | | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 84.964.769.962 | 111.822.343.260 | 80.401.959.069 | 109.647.190.103 | 8.253.719.851 | 6.923.841.530 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 27.548.301.094 | 34.468.214.683 | 26.508.651.140 | 32.501.682.214 | 1.039.649.954 | 1.966.532.469 |
| Tiền | 111 | | 2.748.301.094 | 3.718.214.683 | 1.708.651.140 | 1.751.682.214 | 1.039.649.954 | 1.966.532.469 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 24.800.000.000 | 30.750.000.000 | 24.800.000.000 | 30.750.000.000 | - | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - | - | - | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - | - | - | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - | - | - | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - | - | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 46.526.062.211 | 21.712.134.933 | 46.396.342.465 | 24.408.246.886 | 3.820.628.704 | 2.052.576.420 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 38.635.346.515 | 22.373.310.283 | 33.282.851.193 | 18.773.753.685 | 5.352.495.322 | 3.599.556.598 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 10.226.500.000 | 2.428.800.000 | 10.226.500.000 | 2.428.800.000 | - | - |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - | 3.690.908.958 | 4.748.688.373 | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp | 134 | | - | - | - | - | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - | - | - | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 164.482.314 | 210.291.268 | 142.082.314 | 203.004.828 | 22.400.000 | 7.286.440 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.5 | (2.500.266.618) | (3.300.266.618) | (946.000.000) | (1.746.000.000) | (1.554.266.618) | (1.554.266.618) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - | - | - | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | 10.164.482.478 | 54.776.513.944 | 6.771.041.285 | 51.871.781.303 | 3.393.441.193 | 2.904.732.641 |
| Hàng tồn kho | 141 | 5.6 | 10.464.482.478 | 54.776.513.944 | 7.071.041.285 | 51.871.781.303 | 3.393.441.193 | 2.904.732.641 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | 5.7 | (300.000.000) | - | (300.000.000) | - | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 725.924.179 | 865.479.700 | 725.924.179 | 865.479.700 | - | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - | - | - | - | - |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 645.171.641 | 781.449.662 | 645.171.641 | 781.449.662 | - | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.14 | 80.752.538 | 84.030.038 | 80.752.538 | 84.030.038 | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - | - | - | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - | - | - | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | TOÀN CÔNG TY | | VĂN PHÒNG CÔNG TY | | XI NGHIỆP BAO BÌ | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
| | | | Đơn vị tính: VND | | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 51.087.410.265 | 57.715.351.816 | 52.094.675.517 | 58.034.882.451 | 5.130.929.753 | 5.818.664.370 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - | 4.638.195.005 | 4.638.195.005 | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - | - | - | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - | - | - | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - | 4.638.195.005 | 4.638.195.005 | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - | - | - | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - | - | - | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - | - | - | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - | - | - | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 42.744.441.728 | 47.492.423.277 | 39.359.127.984 | 43.517.817.417 | 3.385.313.744 | 3.974.605.860 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 31.650.555.728 | 36.398.537.277 | 28.265.241.984 | 32.423.931.417 | 3.385.313.744 | 3.974.605.860 |
| Nguyên giá | 222 | | 55.616.824.431 | 55.613.556.931 | 47.592.195.186 | 47.488.927.686 | 8.024.629.245 | 8.124.629.245 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (23.966.268.703) | (19.215.019.654) | (19.326.953.202) | (15.064.996.269) | (4.639.315.501) | (4.150.023.385) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - | - | - | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.9 | 11.093.886.000 | 11.093.886.000 | 11.093.886.000 | 11.093.886.000 | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | 11.093.886.000 | 11.093.886.000 | 11.093.886.000 | 11.093.886.000 | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - | - | - | - | - |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - | - | - | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - | - | - | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - | - | - | - | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.10 | 7.938.100.000 | 9.833.043.410 | 7.938.100.000 | 9.833.043.410 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 3.902.544.457 | 3.902.544.457 | 3.902.544.457 | 3.902.544.457 | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 6.338.100.000 | 8.233.043.410 | 6.338.100.000 | 8.233.043.410 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (3.902.544.457) | (3.902.544.457) | (3.902.544.457) | (3.902.544.457) | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - | - | - | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 404.868.537 | 389.885.129 | 159.252.528 | 45.826.619 | 245.616.009 | 344.058.510 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.11 | 404.868.537 | 389.885.129 | 159.252.528 | 45.826.619 | 245.616.009 | 344.058.510 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - | - | - | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - | - | - | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 136.052.180.227 | 169.537.695.076 | 132.496.634.586 | 167.682.072.554 | 13.384.649.604 | 12.742.505.900 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | | Đơn vị tính: VND | | | | | |
|---|-------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | | TOÀN CÔNG TY | | VĂN PHÒNG CÔNG TY | | XI NGHIỆP BAO BÌ | |
| Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 5.508.238.654 | 33.275.581.858 | 1.952.693.013 | 31.419.959.336 | 8.746.454.599 | 8.104.310.895 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 5.508.238.654 | 33.275.581.858 | 1.952.693.013 | 31.419.959.336 | 8.746.454.599 | 8.104.310.895 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 5.12 | 3.356.864.530 | 1.795.647.590 | - | - | 3.356.864.530 | 1.795.647.590 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 5.13 | 1.592.278.249 | 212.460.000 | 1.592.278.249 | 212.460.000 | - | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 5.14 | 120.063.125 | 59.356.946 | - | - | 120.063.125 | 59.356.946 |
| Phải trả người lao động | 314 | 78.000.000 | - | - | - | 78.000.000 | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | - | - | - | - | 5.190.908.958 | 6.248.688.373 |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng | 317 | - | - | - | - | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 5.15 | 66.447.000 | 3.903.496.789 | 66.447.000 | 3.903.496.789 | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 5.16 | - | 26.770.176.983 | - | 26.770.176.983 | - | - |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | - | - | - | - | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 5.17 | 294.585.750 | 534.443.550 | 293.967.764 | 533.825.564 | 617.986 | 617.986 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | - | - | - | - | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | - | - | - | - | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | - | - | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | - | - | - | - | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | - | - | - | - | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | - | - | - | - | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | - | - | - | - | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | - | - | - | - | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | - | - | - | - | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | - | - | - | - | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | - | - | - | - | - | - |

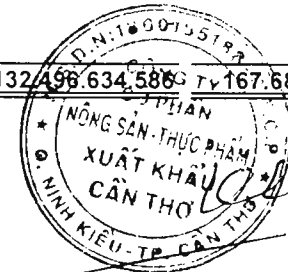
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| Mã số | Thuyết minh | TOÀN CÔNG TY | | VĂN PHÒNG CÔNG TY | | XI NGHIỆP BAO BÌ | |
|--|-------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
| | | Đơn vị tính: VND | | | | | |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 130.543.941.573 | 136.262.113.218 | 130.543.941.573 | 136.262.113.218 | 4.638.195.005 | 4.638.195.005 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 130.543.941.573 | 136.262.113.218 | 130.543.941.573 | 136.262.113.218 | 4.638.195.005 | 4.638.195.005 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 | 4.638.195.005 | 4.638.195.005 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 | 4.638.195.005 | 4.638.195.005 |
| Cổ phiếu ưu đãi | 411b | - | - | - | - | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | - | - | - | - | - | - |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | - | - | - | - | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | - | - | - | - | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | - | - | - | - | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | - | - | - | - | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | - | - | - | - | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 19.200.801.480 | 19.200.801.480 | 19.200.801.480 | 19.200.801.480 | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | - | - | - | - | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 1.343.140.093 | 7.061.311.738 | 1.343.140.093 | 7.061.311.738 | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 5.741.311.738 | 5.203.504.520 | 5.741.311.738 | 5.203.504.520 | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421b | (4.398.171.645) | 1.857.807.218 | (4.398.171.645) | 1.857.807.218 | - | - |
| Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | - | - | - | - | - | - |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - | - | - | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | - | - | - | - | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | - | - | - | - | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 136.052.180.227 | 169.537.695.076 | 132.498.634.586 | 167.682.072.554 | 13.384.649.604 | 12.742.505.900 |



NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



LÊ VĂN LUNG
 Tổng Giám Đốc
 Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2015

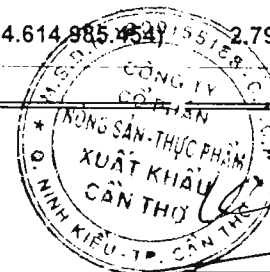
BAO CAO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | TOÀN CÔNG TY | | VĂN PHÒNG CÔNG TY | | XI NGHIỆP BAO BÌ | |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|------------------|----------------|
| | | | 2015 | 2014 | 2015 | 2014 | 2015 | 2014 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 511.528.799.851 | 493.014.529.054 | 490.993.365.175 | 477.540.221.299 | 20.535.434.676 | 15.474.307.755 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 511.528.799.851 | 493.014.529.054 | 490.993.365.175 | 477.540.221.299 | 20.535.434.676 | 15.474.307.755 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 508.055.264.498 | 478.826.278.422 | 489.009.128.040 | 463.997.976.237 | 19.046.136.458 | 14.828.302.185 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 3.473.535.353 | 14.188.250.632 | 1.984.237.135 | 13.542.245.062 | 1.489.298.218 | 646.005.570 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 7.619.334.114 | 4.114.009.952 | 8.134.741.805 | 4.810.940.708 | 3.063.507 | 4.059.898 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 3.129.638.869 | 2.253.233.150 | 3.129.638.869 | 2.253.233.150 | 518.471.198 | 700.990.654 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.868.701.328 | 2.171.296.605 | - | - | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 8.690.928.955 | 10.046.302.303 | 8.690.928.955 | 10.046.302.303 | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 3.660.830.532 | 6.702.939.842 | 2.913.396.570 | 5.821.483.991 | 747.433.962 | 881.455.851 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (4.388.528.889) | (700.214.711) | (4.614.985.454) | 232.166.326 | 226.456.565 | (932.381.037) |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 4.857.244 | 2.558.021.929 | - | 2.558.021.929 | 4.857.244 | - |
| Chi phí khác | 32 | | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 4.857.244 | 2.558.021.929 | - | 2.558.021.929 | 4.857.244 | - |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (4.383.671.645) | 1.857.807.218 | (4.614.985.454) | 2.790.188.255 | 231.313.809 | (932.381.037) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | - | - | - | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (4.383.671.645) | 1.857.807.218 | (4.614.985.454) | 2.790.188.255 | 231.313.809 | (932.381.037) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.8 | (399) | 169 | - | - | - | - |

NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



LÊ VĂN LUNG
Tổng Giám Đốc
Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 152 -154, đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

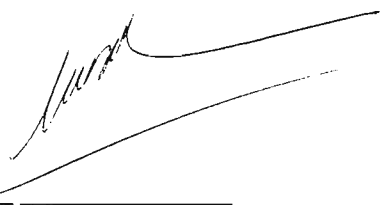
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2015 | 2014 |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| <i>Lợi nhuận trước thuế</i> | 01 | | (4.383.671.645) | 1.857.807.218 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 4.847.015.384 | 4.852.252.383 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (500.000.000) | (200.000.000) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái so đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (3.592.530.845) | (5.964.742.243) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 1.868.701.328 | 2.171.296.605 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | | (1.760.485.778) | 2.716.613.963 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (23.874.371.757) | 466.755.963 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 44.312.031.466 | (13.354.116.545) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (722.373.622) | (1.132.770.106) |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (14.983.408) | (321.561.622) |
| Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.868.701.328) | (2.171.296.605) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (254.357.800) | (52.068.263) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 15.816.757.773 | (13.848.443.215) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (99.033.835) | (722.934.631) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 4.857.244 | 2.843.070.000 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 1.894.943.410 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 3.587.673.601 | 3.406.720.314 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 5.388.440.420 | 5.526.855.683 |

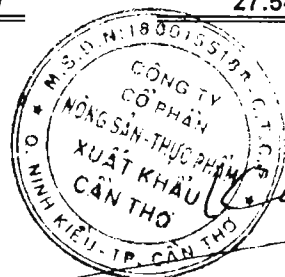
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
 Địa chỉ: Số 152 -154, đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2015 | 2014 |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 156.009.913.595 | 251.973.390.086 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (182.780.090.578) | (264.717.973.742) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (1.354.934.799) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (28.125.111.782) | (12.744.583.656) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (6.919.913.589) | (21.066.171.188) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 34.468.214.683 | 55.534.385.871 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 27.548.301.094 | 34.468.214.683 |



NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



LÊ VĂN LUNG
 Tổng Giám Đốc
 Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155188 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 1 vào ngày 23 tháng 10 năm 2012.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 07103 835.543
- Fax : 07103.832.060

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Xay xát và sản xuất bột thô
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia
- In ấn
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất bột giấy, giấy và bia...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có một công ty con, công ty liên doanh, liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--|--|---|---------------|------------------------|---------------|
| Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giấy Da Xuất Khẩu Tây Đô | Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ | <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất giày dép; các mặt hàng bằng da;- Kinh doanh máy móc thiết bị vật tư ; nguyên vật liệu ngành giày ;- Kinh doanh hàng tư liệu tiêu dùng và tư liệu sản xuất. | 51% | 51% | 51% |
| Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Giấy Nam Hưng Phát | Lô 8, KCN Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ | <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất, kinh doanh giấy các loại, bao bì, thùng carton 3 lớp, 5 lớp- Thu mua phế liệu các loại | 20,55% | 20,55% | 20,55% |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--------------------------|--|--|---------------|------------------------|---------------|
| Công ty Cổ phần May Meko | Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ | Sản xuất các loại mũ vải, bao tay bằng sợi, khăn choàng, khăn tay, túi xách, ô, giày vải và quần áo. | 40,32% | 40,32% | 40,32% |

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ – Xi Nghiệp Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì | KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam |

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 78 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 – 20 năm |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 15 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 – 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 08 năm |

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty

Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giày Da Xuất Khẩu Tây Đô
Công ty Cổ phần May Meko
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Giấy Nam Hưng Phát
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Quan hệ

Công ty con
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | | |
| - Tại văn phòng Công ty - VND | 409.478.766 | 427.104.351 |
| - Tại xí nghiệp Bao Bì - VND | 360.934.016 | 711.026.648 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | | |
| - Tại văn phòng Công ty - VND | 678.715.938 | 1.255.505.821 |
| - Tại văn phòng Công ty - USD (*) | 122.499.771 | 37.210.015 |
| - Tại xí nghiệp Bao Bì - VND | 1.176.672.603 | 1.287.367.848 |
| Các khoản tương đương tiền | | |
| - Tại văn phòng Công ty - VND (**) | 24.800.000.000 | 30.750.000.000 |
| - Tại xí nghiệp Bao Bì - VND | - | - |
| | 27.548.301.094 | 34.468.214.683 |

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

| | Gốc ngoại tệ | Tương đương VND |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | - | - |
| - USD | 5.456,56 | 122.499.771 |
| | | 122.499.771 |

(**) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Văn phòng Công ty | - | - |
| Xí nghiệp Bao Bì | 28.756.860 | 37.060.100 |
| - Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Giấy Nam Hưng Phát | 28.756.860 | 37.060.100 |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Văn phòng Công ty | 33.282.851.193 | 18.773.753.685 |
| - Công ty TNHH Một Thành viên - Tổng công ty Lương thực miền Nam – USD (*) | 7.864.403.593 | 9.145.287.585 |
| - DNTN Ngọc Ngân | 23.436.192.500 | - |
| - Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn DABACO Việt Nam | - | 5.590.000.000 |
| - DNTN Hòa Nam | - | 2.650.000.000 |
| - Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây | 1.982.255.100 | - |
| - Các khách hàng khác | - | 1.388.466.100 |
| Xí nghiệp Bao Bì | 5.323.738.462 | 3.562.496.498 |
| - Công ty TNHH KWONG LUNG - MEKO | 3.430.838.130 | 1.441.108.568 |
| - Công ty TNHH Thủy Sản Kim Ngư | 769.737.096 | 769.737.096 |
| - Công ty TNHH Thủy Sản Trường Nguyên | 711.368.392 | 674.595.392 |
| - Các khách hàng khác | 411.794.844 | 677.055.442 |
| | 38.635.346.515 | 22.373.310.283 |

(*) Tương ứng với gốc nguyên tệ 352.032,29 USD

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|--|-----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | | |
| Văn phòng Công ty | 946.000.000 | 1.746.000.000 |
| - Công ty TNHH LD Sản xuất giày da XK Tây Đô | 946.000.000 | 1.746.000.000 |
| Trả trước cho người bán khác | | |
| Văn phòng Công ty | 9.280.500.000 | 682.800.000 |
| - Ông Nguyễn Nhật Điền | - | 240.000.000 |
| - Ông Huỳnh Minh Tâm | - | 300.000.000 |
| - Xí nghiệp Chế Biến Gạo xuất khẩu Thới Thạnh | 150.000.000 | - |
| - Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây | 9.130.500.000 | - |
| - Phải thu khác | - | 142.800.000 |
| | 10.226.500.000 | 2.428.800.000 |

5.4 Phải thu ngắn hạn

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các bên liên quan | | | | |
| Văn phòng Công ty | 38.781.230 | - | 23.655.503 | - |
| Thành viên chủ chốt | | | | |
| - Tạm ứng công tác | 23.433.230 | - | 23.655.503 | - |
| - Phải thu lại tiền cổ tức bị thu hồi | 15.348.000 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Văn phòng Công ty | 103.301.084 | - | 179.349.325 | - |
| - Phải thu về tạm ứng | 31.410.084 | - | 179.349.325 | - |
| - Phải thu cổ tức bị thu hồi | 71.891.000 | - | - | - |
| Xí nghiệp Bao Bì | 22.400.000 | - | 7.286.440 | - |
| - Phải thu về tạm ứng | 22.400.000 | - | 7.286.440 | - |
| | 164.482.314 | - | 210.291.268 | - |

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản nợ phải thu quá hạn thu hồi

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--|----------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Các bên liên quan | | | | |
| Văn phòng Công ty | 946.000.000 | - | 1.746.000.000 | - |
| Nợ quá hạn 3 năm | | | | |
| - Công ty TNHH LD Sản Xuất Giày Da Tây Đô - phải thu tiền đã ứng trước | 946.000.000 | - | 1.746.000.000 | - |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Xí nghiệp Bao Bì | 1.554.266.618 | - | 1.554.266.618 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nợ phải thu chưa quá hạn 3 năm nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| - Công ty TNHH XNK Thủy sản XNK Kim Ngự | 769.737.096 | - | 769.737.096 | - |
| Nợ quá hạn trên 3 năm | | | | |
| - Công ty TNHH Thủy Sản Trường Nguyên | 674.595.392 | - | 674.595.392 | - |
| - Công ty TNHH Vĩnh Nguyên | 52.632.000 | - | 52.632.000 | - |
| - Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Thiên mã | 57.302.130 | - | 57.302.130 | - |
| | 2.500.266.618 | - | 3.300.266.618 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau

| | Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn - Văn phòng Công ty VND | Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn - Xí nghiệp Bao Bi VND | Cộng VND |
|---------------------|---|--|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2015 | (1.746.000.000) | (1.554.266.618) | (3.300.266.618) |
| Trích lập dự phòng | - | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | 800.000.000 | - | 800.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2015 | (946.000.000) | (1.554.266.618) | (2.500.266.618) |

5.6 Hàng tồn kho

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Văn phòng Công ty | 7.071.041.285 | (300.000.000) | 51.871.781.303 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 11.545.455 | - | - | - |
| - Thành phẩm | 7.059.495.830 | (300.000.000) | 51.871.781.303 | - |
| Xí nghiệp Bao Bi | 3.393.441.193 | - | 2.904.732.641 | - |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 3.393.441.193 | - | 2.904.732.641 | - |
| | 10.464.482.478 | (300.000.000) | 54.776.513.944 | - |

5.7 Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Hàng tồn kho - Văn phòng Công ty VND | Hàng tồn kho - Xí nghiệp Bao Bi VND | Cộng VND |
|----------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2015 | - | - | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (300.000.000) | - | (300.000.000) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2015 | (300.000.000) | - | (300.000.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình toàn Công ty

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|---|----------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 23.458.270.635 | 30.406.044.046 | 1.291.503.450 | 457.738.800 | 55.613.556.931 |
| Mua trong năm | - | 103.267.500 | - | - | 103.267.500 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (100.000.000) | - | (100.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 23.458.270.635 | 30.509.311.546 | 1.191.503.450 | 457.738.800 | 55.616.824.431 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 7.005.061.581 | 11.247.824.304 | 811.539.769 | 150.594.000 | 19.215.019.654 |
| Khấu hao trong năm | 1.615.991.884 | 3.031.577.905 | 142.229.595 | 57.216.000 | 4.847.015.384 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (95.766.335) | - | (95.766.335) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 8.621.053.465 | 14.279.402.209 | 858.003.029 | 207.810.000 | 23.966.268.703 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 16.453.209.054 | 19.158.219.742 | 479.963.681 | 307.144.800 | 36.398.537.277 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 14.837.217.170 | 16.229.909.337 | 333.500.421 | 249.928.800 | 31.650.555.728 |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | - | 1.018.366.191 | 100.000.000 | - | 1.118.366.191 |
| Tại ngày 31/12/2015 | - | 1.099.318.572 | 100.000.000 | - | 1.199.318.572 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình tại Văn phòng Công ty

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 21.723.309.908 | 24.351.375.528 | 956.503.450 | 457.738.800 | 47.488.927.686 |
| Mua trong năm | - | 103.267.500 | - | - | 103.267.500 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 21.723.309.908 | 24.454.643.028 | 956.503.450 | 457.738.800 | 47.592.195.186 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 6.183.873.366 | 8.186.588.806 | 543.940.097 | 150.594.000 | 15.064.996.269 |
| Khấu hao trong năm | 1.493.495.812 | 2.591.682.189 | 119.562.932 | 57.216.000 | 4.261.956.933 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 7.677.369.178 | 10.778.270.995 | 663.503.029 | 207.810.000 | 19.326.953.202 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 15.539.436.542 | 16.164.786.722 | 412.563.353 | 307.144.800 | 32.423.931.417 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 14.045.940.730 | 13.676.372.033 | 293.000.421 | 249.928.800 | 28.265.241.984 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, công ty không có tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình tại Xí nghiệp bao bì

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tài VND | Cộng VND |
|---|----------------------------------|-------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 1.734.960.727 | 6.054.668.518 | 335.000.000 | 8.124.629.245 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (100.000.000) | (100.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 1.734.960.727 | 6.054.668.518 | 235.000.000 | 8.024.629.245 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 821.188.215 | 3.061.235.498 | 267.599.672 | 4.150.023.385 |
| Khấu hao trong năm | 122.496.072 | 439.895.716 | 22.666.663 | 585.058.451 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (95.766.335) | (95.766.335) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 943.684.287 | 3.501.131.214 | 194.500.000 | 4.639.315.501 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 913.772.512 | 2.993.433.020 | 67.400.328 | 3.974.605.860 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 791.276.440 | 2.553.537.304 | 40.500.000 | 3.385.313.744 |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | - | 1.018.366.191 | 100.000.000 | 1.118.366.191 |
| Tại ngày 31/12/2015 | - | 1.099.318.572 | 100.000.000 | 1.199.318.572 |

5.9 Tình hình tang giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2015 | | | 01/01/2015 | | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi số VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá trị ghi số VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào công ty con | 3.902.544.457 | - | (3.902.544.457) | 3.902.544.457 | - | (3.902.544.457) |
| - Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giấy Da Xuất Khẩu Tây Đô (*) | 3.902.544.457 | - | (3.902.544.457) | 3.902.544.457 | - | (3.902.544.457) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 6.338.100.000 | 6.338.100.000 | - | 8.233.043.410 | 8.233.043.410 | - |
| - Công ty Cổ phần May Meko | 4.838.100.000 | 4.838.100.000 | - | 4.838.100.000 | 4.838.100.000 | - |
| - Công ty TNHH Thủ Công Mỹ Nghệ Meko | - | - | - | 1.894.943.410 | 1.894.943.410 | - |
| - Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Nam Hưng Phát | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | - | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | - |
| - Công ty CP Da Tây Đô | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | - | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | - |
| | 11.840.644.457 | 7.938.100.000 | (3.902.544.457) | 13.735.587.867 | 9.833.043.410 | (3.902.544.457) |

(*) Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giấy Da Xuất Khẩu Tây Đô hiện nay đã mất khả năng thanh khoản và đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2015 | (3.902.544.457) | (3.902.544.457) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>(3.902.544.457)</u> | <u>(3.902.544.457)</u> |

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | 2015 VND |
|--|---------------|
| Công ty Cổ phần May Meko | |
| Văn phòng Công ty | |
| - Cổ tức nhận được | 806.350.000 |
| Xí Nghiệp bao bì | |
| - Bán thành phẩm | 3.806.192.961 |
| Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Nam Hưng Phát | |
| Văn phòng Công ty | |
| - Nhận cổ tức | 1.419.000.000 |
| - Cho thuê đất | 14.285.770 |
| Xí Nghiệp Bao Bì | |
| - Bán phụ phẩm | 665.515.250 |
| - Mua nguyên vật liệu | 7.944.078.400 |
| - Bán phế liệu | 500.005.300 |

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Văn phòng Công ty | 159.252.528 | 45.826.619 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ | 45.826.619 | 45.826.619 |
| - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 113.425.909 | - |
| Xí nghiệp Bao Bì | 245.616.009 | 344.058.510 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ | 23.403.893 | 25.074.718 |
| - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 222.212.116 | 318.983.792 |
| | <u>404.868.537</u> | <u>389.885.129</u> |

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|--|----------------------|--------------------|
| Phải trả các bên liên quan | | |
| Xí nghiệp Bao Bì | 1.790.436.120 | 839.119.600 |
| - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bao Bì Giấy Nam Hưng Phát | 1.790.436.120 | 839.119.600 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | | |
| Xí nghiệp Bao Bì | 1.566.428.410 | 956.527.990 |
| - Công ty TNHH Giấy Xuân Mai | 551.453.760 | 649.303.490 |
| - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Hưng | 164.002.190 | 247.824.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| - Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hải Phương | - | 29.700.000 |
| - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Đông Dương | 55.060.320 | 29.700.000 |
| - Công Ty CP Giấy Rạng Đông | 571.686.940 | - |
| - Phải trả khác | 224.225.200 | - |
| | 3.356.864.530 | 1.795.647.590 |

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | | |
| Văn phòng Công ty | | |
| - HB ENTERPRISE | 1.348.444.175 | |
| - OLAMINTER.SINGAPOR | 212.460.000 | 212.460.000 |
| - Công ty TNHH tư vấn dịch vụ thương mại sản xuất Đại Thành Huy | 31.374.074 | - |
| | 1.592.278.249 | 212.460.000 |

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 01/01/2015 | | Số phát sinh trong kỳ | | 31/12/2015 | |
|------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| | Phải nộp VND | Phải thu VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Phải nộp VND | Phải thu VND |
| Văn phòng Công ty | - | 84.030.038 | 259.106.255 | 255.828.755 | - | 80.752.538 |
| - Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | 21.643.744 | 21.643.744 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 80.752.538 | - | - | - | 80.752.538 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 3.277.500 | 10.219.049 | 6.941.549 | - | - |
| - Tiền thuê đất | - | - | 224.243.462 | 224.243.462 | - | - |
| - Các loại thuế khác | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - | - |
| Xí nghiệp Bao Bì | 59.356.946 | - | 361.123.205 | 300.417.026 | 120.063.125 | - |
| - Thuế GTGT hàng bán nội địa | 59.356.946 | - | 360.123.205 | 299.417.026 | 120.063.125 | - |
| - Các loại thuế khác | - | - | 1.000.000 | 1.000.000 | - | - |
| Cộng | 59.356.946 | 84.030.038 | 620.229.460 | 556.245.781 | 120.063.125 | 80.752.538 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | 2015 | 2014 |
|--|------------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (4.383.671.645) | 1.857.807.218 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (2.085.350.000) | (2.164.680.000) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 300.000.000 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (2.385.350.000) | (2.164.680.000) |
| Thu nhập chịu thuế | (6.469.021.645) | (306.872.782) |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | (6.469.021.645) | (306.872.782) |
| Thu nhập chịu thuế suất 15% | - | - |
| Thu nhập chịu thuế suất 22% | - | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty đang áp dụng là 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|-------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | | |
| Văn phòng Công ty | 66.447.000 | 3.903.496.789 |
| - Tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng | 60.000.000 | 60.000.000 |
| - Phải trả lãi chậm trả cổ phần hóa | - | 3.806.295.990 |
| - Phải trả cổ tức | 4.620.000 | 37.200.799 |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.827.000 | - |
| | 66.447.000 | 3.903.496.789 |

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.16 Vay ngắn hạn

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|----------------|---------------------------------|----------------|------------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | - | - | - | - |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | - | - | 26.770.176.983 | 26.770.176.983 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt | - | - | 19.332.355.783 | 19.332.355.783 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|-------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Nam - CN Cần Thơ – USD | | | | |
| - Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ - VND | - | - | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| - Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ - USD | - | - | 5.437.821.200 | 5.437.821.200 |
| | - | - | 26.770.176.983 | 26.770.176.983 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng trong năm như sau:

| | 01/01/2015 VND | Số tiền vay phát sinh trong năm VND | Trả trong năm VND | 31/12/2015 VND |
|--|-----------------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------|
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ - VND | - | 19.000.000.000 | (19.000.000.000) | - |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ – USD | 19.332.355.783 | 58.611.454.242 | (77.943.810.025) | - |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - VND | - | 22.666.000.000 | (22.666.000.000) | - |
| - Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ - VND | 2.000.000.000 | 11.000.000.000 | (13.000.000.000) | - |
| - Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ - USD | 5.437.821.200 | 44.732.459.353 | (50.170.280.553) | - |
| | 26.770.176.983 | 156.009.913.595 | (182.780.090.578) | - |

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | 01/01/2015 VND | Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND | Chi quỹ trong năm VND | 31/12/2015 VND |
|---|--------------------|------------------------------------|-----------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng tại Văn phòng Công ty | 181.957.938 | - | (181.957.938) | - |
| Quỹ khen thưởng tại Xi nghiệp Bao Bì | 617.986 | - | - | 617.986 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành tại Văn phòng Công ty | 351.867.626 | - | (57.899.862) | 293.967.764 |
| | 534.443.550 | - | (239.857.800) | 294.585.750 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.18 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|---------------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 110.000.000.000 | 16.692.525.692 | 2.200.000.000 | 9.575.413.238 | 138.467.938.930 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 1.857.807.218 | 1.857.807.218 |
| Trích lập quỹ trong năm | - | 214.205.126 | 94.070.662 | (308.275.788) | - |
| Giảm khác | - | - | - | (257.336.940) | (257.336.940) |
| Tại ngày 31/12/2014 | 110.000.000.000 | 16.906.730.818 | 2.294.070.662 | 10.867.607.728 | 140.068.409.208 |
| Năm nay | | | | | |
| Điều chỉnh hồi tố (*) | | | | (3.806.295.990) | (3.806.295.990) |
| Phân loại lại số dư đầu kỳ (**) | - | 2.294.070.662 | (2.294.070.662) | - | - |
| Tại ngày 01/01/2015 | 110.000.000.000 | 19.200.801.480 | - | 7.061.311.738 | 136.262.113.218 |
| Lãi trong năm | - | - | - | (4.383.671.645) | (4.383.671.645) |
| Chia cổ tức năm 2013 | - | - | - | (1.320.000.000) | (1.320.000.000) |
| Thù lao hội đồng quản trị | - | - | - | (14.500.000) | (14.500.000) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 110.000.000.000 | 19.200.801.480 | - | 1.343.140.093 | 130.543.941.573 |

(*) Điều chỉnh số dư đầu năm tiền lãi chậm trả cổ phần hóa

(**) Phân loại lại số dư đầu năm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) |
| Cổ đông Nhà Nước | 108.144.500.000 | 98,31 | 108.144.500.000 | 98,31 |
| Cổ đông khác | 1.855.500.000 | 1,69 | 1.855.500.000 | 1,69 |
| | 110.000.000.000 | 100,00 | 110.000.000.000 | 100,00 |

5.19 Cổ phiếu

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.000.000 | 11.000.000 |
| • Cổ phiếu phổ thông | 11.000.000 | 11.000.000 |
| • Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| • Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| • Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.000.000 | 11.000.000 |
| • Cổ phiếu phổ thông | 11.000.000 | 11.000.000 |
| • Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.20 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 15 tháng 04 năm 2014 như sau:

| | VND |
|----------------------|---------------|
| Chia cổ tức năm 2013 | 1.320.000.000 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính không có cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi.

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-------------------|------------|------------|
| - Dollar Mỹ (USD) | 5.456,56 | 1.755,19 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | 2015 VND | 2014 VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Văn phòng Công ty | 490.993.365.175 | 477.540.221.299 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 487.208.279.990 | 473.942.687.446 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 3.712.590.185 | 3.597.533.853 |
| - Doanh thu khác | 72.495.000 | - |
| Xí nghiệp Bao Bì | 20.535.434.676 | 15.474.307.755 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 21.930.700,0 | 20.525.800 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 20.513.503.976 | 15.453.781.955 |
| | 511.528.799.851 | 493.014.529.054 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | 2015 VND | 2014 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Văn phòng Công ty | 489.009.128.040 | 463.997.976.237 |
| - Giá vốn thành phẩm | 488.636.633.040 | 463.997.976.237 |
| - Giá vốn khác | 72.495.000 | - |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 300.000.000 | - |
| Xí nghiệp Bao Bì | 18.976.136.458 | 14.828.302.185 |
| - Giá vốn hàng hóa | 20.041.586 | 19.703.000 |
| - Giá vốn thành phẩm | 19.026.094.872 | 14.808.599.185 |
| | 508.055.264.498 | 478.826.278.422 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2015 VND | 2014 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Văn phòng Công ty | 8.134.741.805 | 4.810.940.708 |
| - Lãi tiền gửi | 1.717.731.292 | 1.938.971.070 |
| - Cổ tức và lợi nhuận được chia | 2.385.350.000 | 2.164.680.000 |
| - Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.803.194.568 | 497.772.846 |
| - Thu nhập tài chính khác | 2.228.465.945 | 209.516.792 |
| Xí nghiệp Bao Bì | 3.063.507 | 4.059.898 |
| - Lãi tiền gửi | 3.063.507 | 4.059.898 |
| Điều chỉnh do hợp cộng | (518.471.198) | (700.990.654) |
| | 7.619.334.114 | 4.114.009.952 |

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

| | 2015 VND | 2014 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Văn phòng Công ty | 3.129.638.869 | 2.253.233.150 |
| - Chi phí lãi vay ngân hàng | 1.868.701.328 | 2.171.296.605 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.260.937.541 | 81.936.545 |
| Xí nghiệp Bao Bì | 518.471.198 | 700.990.654 |
| - Chi phí lãi vay ngân hàng | 518.471.198 | 700.990.654 |
| Điều chỉnh do hợp cộng | (518.471.198) | (700.990.654) |
| | 3.129.638.869 | 2.253.233.150 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

| 6.5 Chi phí bán hàng | 2015 VND | 2014 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Văn phòng Công ty | | |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 2.927.315.000 | 4.494.943.300 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.084.537.058 | 4.929.829.871 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 679.076.897 | 621.529.132 |
| | 8.690.928.955 | 10.046.302.303 |
| | | |
| 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2015 VND | 2014 VND |
| Văn phòng Công ty | 2.913.396.570 | 5.821.483.991 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 2.567.198.788 | 2.971.669.579 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 156.927.548 | 486.734.593 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 61.956.933 | 655.414.481 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 227.283.462 | 773.608.371 |
| - Hoàn nhập dự phòng | (800.000.000) | (200.000.000) |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 394.378.965 | 909.719.717 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 305.650.874 | 224.337.250 |
| Xí nghiệp Bao Bì | 747.433.962 | 881.455.851 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 702.592.205 | 533.303.880 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 8.901.992 | 9.064.792 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 35.939.765 | 339.087.179 |
| | 3.660.830.532 | 6.702.939.842 |
| | | |
| 6.7 Thu nhập khác | 2015 VND | 2014 VND |
| Văn phòng Công ty | - | 2.558.021.929 |
| Lãi thanh lý tài sản | - | 2.558.021.929 |
| Trong đó: | | |
| - Thu thanh lý tài sản | - | 2.843.070.000 |
| - Giá trị còn lại của tài sản cố định | - | (285.048.071) |
| Xí nghiệp bao bì | 4.857.244 | - |
| Lãi thanh lý tài sản | 4.857.244 | - |
| Trong đó: | | |
| - Thu thanh lý tài sản | 9.090.909 | - |
| - Giá trị còn lại của tài sản cố định | (4.233.665) | - |
| | 4.857.244 | 2.558.021.929 |
| | | |
| 6.8 Lãi trên cổ phiếu | 2015 VND | 2014 VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (4.383.671.645) | 1.857.807.218 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (4.383.671.645) | 1.857.807.218 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | (399) | 169 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

được tính toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | 2015 VND |
|----------------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 310.623.996.005 |
| Chi phí nhân công | 8.475.399.082 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.792.321.467 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.149.320.422 |
| Chi phí khác | 87.486.894 |
| | <u>325.128.523.870</u> |

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty mẹ, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | 2015 VND |
|--|---------------------------|
| Tạm ứng công tác | 93.500.000 |
| Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt | 31/12/2015 VND |
| - Tạm ứng công tác | 23.433.230 |
| - Phải thu lại tiền cổ tức bị thu hồi | 15.348.000 |

Không có các khoản công nợ với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | 2015 VND |
|--------------|--------------------|
| Tiền lương | 538.921.500 |
| Tiền thưởng | 52.491.500 |
| Tiền thù lao | 73.500.000 |
| | <u>664.913.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

7.2 Số liệu so sánh

7.2.1 Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

7.2.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Mã số | Số liệu trình | Điều chỉnh | Số liệu trình |
|-----------------------------------|-------|----------------|----------------------|------------------|
| | | bày năm 2014 | tăng/ (giảm) | bày lại năm 2014 |
| | | VND | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | - | 210.291.268 (i) | 210.291.268 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - (i) | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 210.291.268 | (210.291.268) (i) | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 97.200.799 | 3.806.295.990 (ii) | 3.903.496.789 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 16.906.730.818 | 2.294.070.662 (i) | 19.200.801.480 |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 2.294.070.662 | (2.294.070.662) (i) | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 10.867.607.728 | (3.806.295.990) (ii) | 7.061.311.738 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

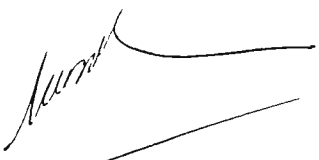
| | | | | |
|---------------|----|---------------|-------------------|---------------|
| Thu nhập khác | 31 | 2.843.070.000 | (285.048.071) (i) | 2.558.021.929 |
| Chi phí khác | 32 | 285.048.071 | (285.048.071) (i) | - |

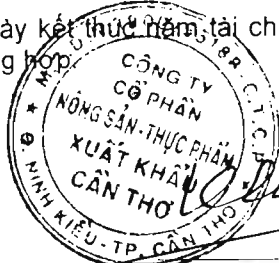
(i) Phân loại cho phù hợp

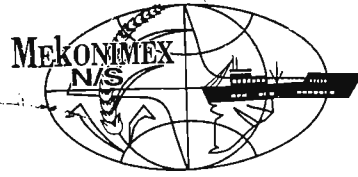
(ii) Điều chỉnh tiền lãi chậm trả cổ phần hóa

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc bổ sung trong Báo cáo tài chính tổng hợp.


NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG
Kế toán trưởng /Người lập biểu


LÊ VĂN LUNG
Tổng Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
(MEKONIMEX/NS)**

152 - 154, Trần Hưng Đạo, P. An Nghiệp, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel : 0710. 3835543 - 3832059 - Fax : 3832060

HỎA TỐC

ĐP 285076
1334g



Kính gửi : ...

ghe 23.

**BÀ TỪ ĐÌNH THỰC ĐOAN
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH
DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)- CHI
NHÁNH PHÍA NAM**

Số 16, Trương Định, Q3, TP. HCM
(ĐT: 0908 130 310)